

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 320/2020/DS-PT
Ngày 22-10-2020
*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tạng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt
Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 09, 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 344/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đức H, Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Số ..., khu ..., thị trấn Mỹ P, huyện Tân P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1957; Là người đại diện ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2020);

Địa chỉ: Số ..., đường Thiên Hộ D, Phường ..., thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

* **Bị đơn:** Ông Lữ (Lữ) Văn U, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khóm Thượng .., thị trấn Thường Thới T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số ..., khu .., thị trấn Mỹ P, huyện Tân P, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Lê Công Đ, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Tân Long .., xã Tân Thành B, huyện Mỏ Cày B, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P là nguyên đơn.

Bà N, ông U và ông Đ có mặt tại phiên tòa. Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông Đ vắng mặt phiên tòa ngày 09, 22 tháng 10 năm 2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P (Công ty Nguyễn P), người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Vào ngày 09 tháng 8 năm 2018, Công ty Nguyễn P ký hợp đồng mua bán với ông Lữ Văn U với nội dung như sau: Công ty Nguyễn P bán cho ông U một phương tiện thủy nội địa biển số TG 14207, cấp phương tiện: VR-SII, Công dụng chở hàng khô, có chiều dài thiết kế 37,35m, chiều dài lớn nhất 39,57m, chiều rộng thiết kế 8,2m, chiều rộng lớn nhất 8,24m, chiều cao mạn 3,5m, chiều chìm 3,1m, mạn khô 0,408m, vật liệu vỏ: Thép, Số lượng, kiểu, công suất chính: 1, CUMMINS NTC-350, 43125203, 350 CV, trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy: 498.00 tấn, có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 13030/ĐK, do Sở giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26 tháng 9 năm 2017 cho Công ty Nguyễn P (sau đây còn gọi tắt là phương tiện), với giá bán 2.600.000.000 đồng. Việc trả tiền được thỏa thuận chia làm 04 lần:

+ Lần 1: Vào ngày ký hợp đồng trả 1.000.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 20/9/2018 trả 200.000.000 đồng.

+ Lần 3: Ngày 30/12/2018 trả 500.000.000 đồng.

+ Lần 4: Ngày 08/7/2019 trả 900.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông U đã trả tiền được 03 lần vào các ngày 09/8/2018 trả 1.000.000.000 đồng, ngày 20/9/2018 trả 200.000.000 đồng và ngày 14/01/2019 trả 500.000.000 đồng. Tổng cộng ông U đã trả

được 1.700.000.000 đồng, còn nợ lại 900.000.000 đồng, nhiều lần Công ty Nguyễn P yêu cầu ông U trả nợ nhưng ông U không trả. Tính đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 thì đã quá hạn 16 tháng 16 ngày. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông U phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng: 496 ngày x 3.000.000đ/ngày = 1.488.000.000 đồng.

Ông U chưa trả hết tiền cho Công ty Nguyễn P mà tự ý sửa chữa phương tiện khi chưa có sự đồng ý của Công ty Nguyễn P, làm thiệt hại, dự kiến sửa chữa lại với chi phí như sau: Phần nắp hầm: 275.000.000 đồng; Bong sol mũi: 75.000.000 đồng, tổng cộng: 350.000.000 đồng.

Như vậy, thiệt hại của Công ty Nguyễn P là 1.488.000.000 đồng + 350.000.000 đồng = 1.838.000.000 đồng. Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty Nguyễn P có quyền lấy lại tài sản là phương tiện thủy nội địa và ông U phải trả cho công ty Nguyễn P là 1.838.000.000 đồng – 1.700.000.000 đồng = 138.000.000 đồng.

Trong Đơn khởi kiện thì Công ty Nguyễn P có phần yêu cầu: Buộc ông Lữ Văn U trả cho Công ty Nguyễn P số tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là 326.000.000 đồng do tự ý hoán cải phương tiện trong khi chưa trả hết tiền.

Nay Công ty Nguyễn P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể các yêu cầu như sau:

1. Hủy bỏ hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa biển số TG 14207 giữa Công ty Nguyễn P với ông Lữ Văn U được Văn phòng công chứng Tân Phước, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 09 tháng 8 năm 2018.

2. Buộc ông Lữ Văn U giao trả Công ty Nguyễn P phương tiện thủy nội địa biển số TG 14207 ngay khi bản án có hiệu lực.

3. Buộc ông Lữ Văn U trả cho Công ty Nguyễn P số tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là 138.000.000 đồng do tự ý hoán cải phương tiện trong khi chưa trả hết tiền.

Công ty Nguyễn P không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông U về việc yêu cầu Công ty Nguyễn P trả lại cho ông U số tiền 1.700.000.000 đồng và chi phí sửa chữa phương tiện là 346.357.000 đồng, vì ông U chưa trả đủ số tiền mua phương tiện mà tự ý sửa chữa phương tiện, nên chi phí này ông U tự chịu. Công ty Nguyễn P chấp nhận chi phí sửa chữa phương tiện là 346.357.000 đồng, giá phương tiện hiện tại là 2.300.000.000 đồng.

Số tiền ông U trả thứ 3, vào ngày 14 tháng 01 năm 2019, ông U mượn tiền của ông Lê Công Đ để trả Công ty Nguyễn P số tiền 500.000.000 đồng. Bà D đại diện cho Công ty có làm Biên nhận ghi nhận ông U có nợ

500.000.000 đồng của ông Đ, đến nay ông U chưa trả lại số tiền này cho ông Đ. Khoản tiền nợ giữa ông U và ông Đ, bà D không có ý kiến, tùy Tòa án giải quyết, không tranh chấp với ông Đ.

Việc mua bán lại tài sản tranh chấp giữa Công ty Nguyễn P và chị Nguyễn Thị Mỹ D thì giữa hai bên đã hủy hợp đồng, Công ty Nguyễn P vẫn còn đứng tên phương tiện, chưa chuyển nhượng cho ai khác.

Bị đơn ông Lữ (Lữ) Văn U trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của người đại diện Công ty Nguyễn P. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông U trả được 03 lần với tổng số tiền 1.700.000.000 đồng, còn nợ lại 900.000.000 đồng cho đến nay. Số tiền mua phương tiện còn nợ lại 900.000.000 đồng thì ông U không có khả năng trả, nên ông U dự định bán phương tiện lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ D với số tiền 2.300.000.000 đồng. Ngày 07/12/2019, Công ty Nguyễn P và ông U thống nhất hủy bỏ hợp đồng mua bán ngày 09 tháng 8 năm 2018 và đồng thời, Công ty Nguyễn P cũng thống nhất ký hợp đồng mua bán phương tiện với chị Nguyễn Thị Mỹ D với giá 900.000.000 đồng, do ông U còn nợ lại Công ty Nguyễn P 900.000.000 đồng. Ngày 07/12/2019, Công ty Nguyễn P và chị Mỹ D ký hợp đồng mua bán và chị Mỹ D đặt cọc 300.000.000 đồng cho Công ty Nguyễn P. Chị Mỹ D thỏa thuận còn nợ ông U số tiền 1.400.000.000 đồng. Do Công ty Nguyễn P yêu cầu ông U trả tiền lãi do chậm trả nợ và tiền thuê người giữ phương tiện. Ông U thống nhất trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Nguyễn P, nhưng tiền thuê người giữ phương tiện thì ông U không thống nhất trả nên hai bên xảy ra tranh chấp cho đến nay. Do có tranh chấp nên chị Mỹ D không đồng ý mua phương tiện và Công ty Nguyễn P đã trả lại cho chị Mỹ D 300.000.000 đồng.

Ông U thống nhất chi phí sửa chữa nắp hầm, bong sol mũi phương tiện vỏ thép về hiện trạng ban đầu là 350.000.000đ.

Nay ông U thống nhất trả phương tiện lại cho Công ty Nguyễn P, nhưng không thống nhất trả cho Công ty Nguyễn P số tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là 138.000.000đ. Ông U yêu cầu Công ty Nguyễn P trả lại cho ông số tiền đã nhận là 1.700.000.000 đồng và chi phí sửa chữa phương tiện như hiện nay là 346.357.000 đồng.

Ông U thống nhất mượn (vay) của ông Đ số tiền 500.000.000 đồng, để trả cho Công ty Nguyễn P. Ông U đã trả cho ông Đ khoảng 47 triệu đồng, còn nợ lại 453.621.000 đồng. Ông U thống nhất chịu trách nhiệm trả cho ông Đ 453.621.000 đồng, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Công Đ, trình bày:

Ông U mua 01 chiếc ghe vỏ thép của Công ty Nguyễn P không biết rõ giá bao nhiêu, chỉ biết khoảng hai tỷ, mấy trăm triệu đồng. Ông U không có tiền trả cho Công ty Nguyễn P, nên có vay của ông số tiền 500.000.000 đồng, không tính lãi, để trả cho Công ty Nguyễn P, có làm Biên nhận. Nội dung Biên nhận do bà D đại diện Công ty viết ký tên là có nhận số tiền 500.000.000 đồng, tiền ông U vay của ông để trả tiền ghe cho Công ty Nguyễn P. Do ông U không có đủ tiền để trả cho Công ty Nguyễn P. Sau đó, giữa Công ty Nguyễn P và ông U giải quyết hợp đồng như thế nào thì ông không biết. Ông có nghe bà D và ông U thỏa thuận bán ghe lại cho bên thứ ba để ông U dùng tiền đó trả lại Công ty Nguyễn P. Bà D đã nhận tiền cọc 300.000.000đ của người mua, nhưng việc mua bán ghe không thành, bà D trả tiền cọc lại cho người mua, còn lý do không mua bán được thì ông không biết lý do. Khi Công ty Nguyễn P khởi kiện ông U thì ông có đơn gửi cho Tòa án về việc ông U còn nợ ông số tiền 451.621.000 đồng, không tính lãi. Công ty Nguyễn P, ông U và ông đã tự thỏa thuận thống nhất, sau khi Tòa án giải quyết xong vụ án dù bên nào được quyền sở hữu chiếc ghe thì ông U sẽ là người chịu trách nhiệm trả lại số nợ 451.621.000 đồng cho ông, nên ông Đ không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N đã xử tuyên:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Hủy bỏ “Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa” giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P với ông Lữ Văn U được Văn phòng công chứng Tân Phước, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 09 tháng 8 năm 2018.

1.2. Ông Lữ Văn U giao lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P phương tiện thủy nội địa biển số TG 14207 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 13030/ĐK, do Sở giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26 tháng 9 năm 2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P, yêu cầu ông U bồi thường thiệt hại số tiền 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lữ Văn U.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P trả lại cho ông Lữ Văn U số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Lữ Văn U được miễn nộp.

4.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Vận tải Nguyễn P chịu 69.900.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.150.000 đồng theo Biên lai số BH/2018/0001169 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng N; còn phải nộp tiếp 61.750.000 đồng (Sáu mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 6 năm 2020, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Vận Tải Nguyễn P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

- + Buộc ông Lữ Văn U phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P số tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là 138.000.000 đồng do tự ý hoán cải phương tiện trong khi chưa trả hết tiền.

- + Không đồng ý trả cho ông U số tiền 1.700.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Nguyễn P rút một phần yêu cầu kháng cáo, đối với việc Công ty Nguyễn P. yêu cầu ông U bồi thường thiệt hại 138.000.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải Nguyễn P yêu cầu:

- + Hủy hợp đồng mua bán ngày 09/8/2018 giữa Công ty Nguyễn P với ông Lữ Văn U. Buộc ông Lữ Văn U trả lại phương tiện thủy nội địa biển số đăng ký 14207 và tiền sửa chữa phương tiện thủy nội địa như ban đầu là 350.000.000 đồng.

- + Công ty Nguyễn P không đồng ý trả cho ông Lữ Văn U 1.700.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp

hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của Công ty Nguyễn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 09/8/2018 Công ty Nguyễn P ký hợp đồng mua bán với ông Lữ Văn U, theo nội dung hợp đồng: Công ty Nguyễn P bán cho ông U một phương tiện thủy nội địa biển số TG 14207, vật liệu vỏ thép, trọng tải 498,00 tấn, (theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 13030/ĐK, do Sở giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26 tháng 9 năm 2017 cho Công ty Nguyễn P), số tiền 2.600.000.000 đồng. Việc trả tiền được thỏa thuận chia làm 04 lần:

- + Lần 1: Vào ngày ký hợp đồng trả 1.000.000.000 đồng.
- + Lần 2: Ngày 20/9/2018 trả 200.000.000 đồng.
- + Lần 3: Ngày 30/12/2018 trả 500.000.000 đồng.
- + Lần 4: Ngày 08/7/2019 trả 900.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông U đã trả tiền được 03 lần, tổng cộng là 1.700.000.000 đồng, còn nợ lại Công ty Nguyễn P 900.000.000 đồng. Do ông U vi phạm hợp đồng, nên Công ty Nguyễn P khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ngày 09/8/2018, yêu cầu ông U trả lại phương tiện thủy nội địa biển số đăng ký 14207 cho Công ty Nguyễn P và bồi thường thiệt hại 138.000.000 đồng.

Về phía ông U thống nhất có ký hợp đồng mua 01 chiếc ghe vỏ thép, trọng tải 498,00 tấn, biển số đăng ký 14207, giá 2.600.000.000 đồng của Công ty Nguyễn P. Ông U trả cho Công ty Nguyễn P số tiền 1.700.000.000 đồng, còn nợ 900.000.000 đồng. Công ty Nguyễn P đã giao ghe cho ông U quản lý, sử dụng từ khi ký hợp đồng. Ông U không đồng ý theo yêu cầu của Công ty Nguyễn P. Ông U thống nhất hủy hợp đồng ngày 09/8/2018, đồng ý trả lại ghe cho Công ty Nguyễn P, nhưng yêu cầu Công ty Nguyễn P hoàn trả số tiền 1.700.000.000 đồng và chi phí sửa chữa phương tiện như hiện nay là 346.357.000 đồng.

Công ty Nguyễn P không đồng ý theo yêu cầu của ông U.

Xét thấy, hợp đồng mua bán ngày 09/8/2018 giữa Công ty Nguyễn P với ông Lữ Văn U là trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện, hợp đồng có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Theo hợp đồng Công ty Nguyễn P bán cho ông Lữ Văn U một phương tiện thủy nội địa, trọng tải 498.00 tấn, biển số đăng ký TG 14207, giá 2.600.000.000 đồng. Công ty Nguyễn P đã giao phương tiện cho ông U quản lý, sử dụng sau khi ký hợp đồng. Ông U đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, không đúng nghĩa vụ theo hợp đồng. Cụ thể ông U phải thanh toán tiền cho Công ty Nguyễn P lần 3 ngày 30/12/2018 số tiền 500.000.000 đồng, nhưng đến ngày 14/01/2019 ông U mới trả 500.000.000 đồng cho Công ty Nguyễn P, lần 4 ngày 08/7/2019 ông U trả cho Công ty Nguyễn P 900.000.000 đồng, nhưng ông U không thực hiện, cho nên ông U là người có lỗi.

Về phía ông U cho rằng trong quá trình quản lý, sử dụng ghe đến ngày 10/4/2019 (tức ngày 06/3/2019 âm) ông U đưa ghe vào sửa chữa đến ngày 04/9/2019 (tức ngày 06/8/2019 âm) sửa chữa ghe xong, Công ty Nguyễn P cho người giữ ghe, nên ghe không hoạt động được, không có tiền trả cho Công ty Nguyễn P. Việc ông U sửa chữa ghe mà không trả tiền cho Công ty Nguyễn P không có ghi trong điều khoản của hợp đồng, nên lời trình bày của ông U là không thể chấp nhận.

Tuy nhiên, do ông U không có tiền trả cho Công ty Nguyễn P nên ngày 07/12/2019, Công ty Nguyễn P và ông U thỏa thuận Hủy bỏ hợp đồng mua bán ngày 09/8/2018. Theo Điều 1 của hợp đồng ngày 07/12/2019 có nội dung như sau: “Hai bên đồng ý hủy bỏ toàn bộ nội dung Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa nêu trên, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kể từ ngày hợp đồng hủy bỏ này được hai bên ký kết và được Văn phòng Công chứng Tân Phước, Tiền Giang công chứng, Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa trên không còn giá trị nữa; Hai bên cam kết không sửa dụng hợp đồng này vào bất cứ việc gì, hai bên xác nhận đã hoàn tất mọi vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng, các bên không còn trách nhiệm hay quyền lợi gì với nhau và cũng cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa nêu trên”.

Như vậy, giữa Công ty Nguyễn P và ông U thống nhất hủy bỏ hợp đồng mua bán ngày 09/8/2018, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, về phía Công ty Nguyễn P chưa hoàn trả cho ông U 1.700.000.000 đồng. Ông U cũng chưa giao trả phương tiện thủy nội địa biển số TG 14207 cho Công ty Nguyễn P. Mặc dù ông U chưa giao trả phương tiện thủy nội địa cho Công ty Nguyễn P, nhưng Công ty Nguyễn P đã cho người trông giữ phương tiện từ ngày 04/9/2019 đến nay, nên việc ông U đồng ý giao trả cho Công ty Nguyễn P phương tiện thủy nội địa và yêu cầu Công ty Nguyễn P trả

lại số tiền 1.700.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 1 của hợp đồng ngày 07/12/2019, nên Hội đồng xét xử chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Nguyễn P thống nhất trả cho ông U 1.700.000.000 đồng, nhưng yêu cầu ông U phải trả lại tiền sửa chữa ghe như hiện trạng ban đầu với số tiền 350.000.000 đồng. Ông U không đồng ý.

Xét thấy, tại thời điểm ngày 07/12/2019 hai bên thống nhất hủy bỏ hợp đồng mua bán ngày 09/8/2018, thì ông U đã sửa chữa ghe xong, Công ty Nguyễn P cũng không đặt vấn đề về việc ông U hoàn trả tiền sửa chữa ghe như ban đầu cho Công ty Nguyễn P và hợp đồng ngày 07/12/2019 cũng không có điều khoản nào ông U phải trả cho Công ty Nguyễn P 350.000.000 đồng tiền sửa chữa ghe, nên việc Công ty Nguyễn P yêu cầu ông U trả 350.000.000 đồng tiền sửa chữa ghe là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty Nguyễn P rút một phần yêu cầu kháng cáo, đối với việc Công ty Nguyễn P yêu cầu ông U bồi thường thiệt hại 138.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần kháng cáo của Công ty Nguyễn P.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là không chấp nhận kháng cáo của Công ty Nguyễn P là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Nguyễn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên Công ty Nguyễn P phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; Điều 300; Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 422, 425, 427, 430, 431, 433 và Điều 435 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P yêu cầu ông Lữ (Lữ) Văn U bồi thường thiệt hại 138.000.000 đồng.

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tại

Nguyễn P.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1 Hủy bỏ “Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa” giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P với ông Lữ (Lữ) Văn U được Văn phòng công chứng Tân Phước, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 09 tháng 8 năm 2018.

1.2 Ông Lữ (Lữ) Văn U có trách nhiệm giao lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P phương tiện thủy nội địa biển số TG 14207, theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 13030/ĐK, do Sở giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26 tháng 9 năm 2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P, yêu cầu ông U bồi thường thiệt hại số tiền 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lữ Văn U.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P trả lại cho ông Lữ Văn U số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

4. Về án phí:

4.1. Ông Lữ Văn U được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Nguyễn P phải chịu 69.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm Công ty Nguyễn P đã nộp theo biên lai số 0001169 ngày 04/02/2020 là 8.150.000 đồng và biên lai số 0001325 ngày 29/6/2020 là 300.000 đồng, tổng cộng 8.450.000 đồng, được trừ vào tiền án phí. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Vận tải Nguyễn P còn phải nộp 61.750.000đ (Sáu mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tại Chi cục Thi hành án huyện Hồng N.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng N;
- CCTHADS huyện Hồng N;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (τ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng